

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**QUỐC HỘI****QUỐC HỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghị quyết số: 31/2021/QH15

NGHỊ QUYẾT**về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025****QUỐC HỘI**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 423/TTr-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số 345/BC-UBKT15 ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban Kinh tế, báo cáo của các cơ quan hữu quan và ý kiến các vị đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Quan điểm**

1. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng bảo đảm ổn định vĩ mô, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nền kinh tế tự chủ, nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế.

2. Tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế trên cơ sở kế thừa và phát triển, vừa toàn diện vừa có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực có dư địa lớn và khả năng bắt kịp, tiến cùng, vượt lên ở khu vực, thế giới và 03 lĩnh vực

quan trọng là cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại thị trường tài chính, trọng tâm là các tổ chức tín dụng; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

3. Cơ cấu lại nền kinh tế với đột phá chiến lược về hoàn thiện thể chế phát triển, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát huy vai trò, tiềm năng, thế mạnh kinh tế đô thị, các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn, thúc đẩy liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn.

4. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, trong đó nguồn lực bên trong là chiến lược, cơ bản, lâu dài, quyết định; nguồn lực bên ngoài là quan trọng.

5. Phát huy cao độ yếu tố con người, giá trị văn hóa, truyền thống, lịch sử, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết của dân tộc gắn với khai thác tối đa các cơ hội, thuận lợi và phù hợp xu thế phát triển trên thế giới, không để lỡ nhịp trong xu hướng hồi phục kinh tế thế giới cũng như quá trình tái cấu trúc chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

Điều 2. Mục tiêu tổng quát

Hình thành cơ cấu hợp lý, hiệu quả trong từng ngành, lĩnh vực; giữa các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế; phát triển được nhiều sản phẩm quốc gia dựa vào công nghệ mới, công nghệ cao; tạo bút phá về năng lực cạnh tranh của một số ngành kinh tế chủ lực và chuyển biến thực chất, rõ nét về mô hình tăng trưởng, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, nâng cao tính tự chủ, khả năng thích ứng, sức chống chịu của nền kinh tế.

Điều 3. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025

1. Tốc độ tăng năng suất lao động (NSLĐ) bình quân trên 6,5%/năm, trong đó tốc độ tăng NSLĐ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 6,5 - 7%/năm, tốc độ tăng NSLĐ của các vùng kinh tế trọng điểm và 05 thành phố trực thuộc Trung ương cao hơn tốc độ tăng NSLĐ trung bình cả nước; nâng cao tỷ trọng đóng góp của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo vào tăng trưởng, trong đó năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đạt khoảng 45% GDP. Thu hẹp khoảng cách về năng lực cạnh tranh quốc gia với các nước trong nhóm ASEAN-4, đặc biệt đối với các chỉ số về thể chế, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực.

2. Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 bình quân 3,7% GDP; giảm tối thiểu 10% tổng số đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021, có tối thiểu 20% đơn vị tự chủ tài chính.

3. Bảo đảm tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 05 năm khoảng 32 - 34% GDP. Nâng cao chất lượng thể chế quản lý đầu tư công đạt mức tiệm cận quốc tế. Nợ xấu nội bảng của toàn hệ thống các tổ chức tín dụng duy trì ở mức dưới 3%, từng bước phát triển thị trường mua bán nợ chuyên nghiệp, bền vững. Tất cả các ngân hàng thương mại áp dụng theo phương pháp tiêu chuẩn Basel II.

4. Phát triển mạnh các loại thị trường. Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt tối thiểu 85% GDP, dư nợ thị trường trái phiếu đạt tối thiểu 47% GDP, dư nợ thị trường trái phiếu doanh nghiệp đạt khoảng 20% GDP. Chỉ số Chất lượng quản lý hành chính đất đai trong bộ chỉ số về Năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) tăng 10 - 15 bậc so với năm 2019. Hoàn thành việc xây dựng và công khai Hệ thống theo dõi và đánh giá đối với quản lý và sử dụng đất đai. Chỉ số Chất lượng đào tạo nghề trong bộ chỉ số về Năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) tăng 40 - 50 bậc; chỉ số Kỹ năng của sinh viên tăng 45 bậc so với năm 2019. Tỷ trọng chi cho khoa học công nghệ đạt không dưới 1% GDP; số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ tăng trung bình 15%/năm giai đoạn 2021 - 2025.

5. Phần đầu đạt khoảng 1,5 triệu doanh nghiệp, trong đó có khoảng 60.000 đến 70.000 doanh nghiệp quy mô vừa và lớn; tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP khoảng 55%; tối thiểu có 05 đến 10 sản phẩm quốc gia xây dựng được thương hiệu quốc tế.

6. Kinh tế số đạt khoảng 20% GDP; tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.

7. Phần đầu đến hết năm 2025 có khoảng 35.000 hợp tác xã, trong đó có trên 3.000 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản, khoảng 35% hợp tác xã nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

Điều 4. Nhiệm vụ trọng tâm cơ cấu lại nền kinh tế

1. Tập trung hoàn thành các mục tiêu cơ cấu lại đầu tư công, ngân sách nhà nước, hệ thống các tổ chức tín dụng và đơn vị sự nghiệp công lập

a) Cơ cấu lại đầu tư công

Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại đầu tư công, nâng cao chất lượng thể chế quản lý đầu tư công; cải thiện các yếu tố để tăng cường năng lực hấp thụ vốn của nền kinh tế, nhất là phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả; phát huy tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát hiệu quả; giải quyết những vướng mắc trong quy trình quản lý đầu tư. Xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, tiêu cực, gây thất thoát, lãng phí trong đầu tư công.

Đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân để tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước; tập trung vốn vào các ngành, lĩnh vực then chốt, các công trình, dự án trọng điểm, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung nguồn lực phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng vùng động lực tăng trưởng, hạ tầng thúc đẩy liên kết vùng, liên kết ngành, hạ tầng kinh tế số, giáo dục, y tế, văn hóa, vùng khó khăn, khu vực chịu ảnh hưởng lớn bởi dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu; bảo đảm cân đối hơn giữa các phương thức trong phát triển hạ tầng giao thông.

b) Cơ cấu lại ngân sách nhà nước

Nghiên cứu sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước, đổi mới phân cấp ngân sách nhà nước theo hướng bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, tăng tính chủ động của ngân sách địa phương, cơ bản khắc phục tình trạng lồng ghép trong quản lý ngân sách nhà nước, phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế.

Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng bền vững, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, hỗ trợ thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện nghiêm nguyên tắc chỉ vay nợ cho chi đầu tư phát triển. Nghiên cứu sử dụng hiệu quả chính sách mua sắm công để thúc đẩy chuyển đổi số, an toàn thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ.

Tiếp tục cơ cấu lại nợ công theo hướng bền vững, bảo đảm an toàn nợ công, vay trong khả năng trả nợ của ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng vay và

mức độ hấp thụ vốn vay, duy trì, củng cố dư địa tài khóa để ứng phó với rủi ro thị trường hay cú sốc kinh tế, kiểm soát chặt chẽ nghĩa vụ nợ dự phòng của ngân sách nhà nước.

Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng và chống xói mòn cơ sở thuế, bao quát nguồn thu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế, áp dụng mức thuế suất hợp lý, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước. Rà soát, hoàn thiện chính sách ưu đãi thuế nhằm khuyến khích khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, khuyến khích liên doanh, liên kết, nâng cấp chuỗi giá trị, phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tỷ trọng nội địa hóa.

c) Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng

Tiếp tục cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng, hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng phù hợp với nguyên tắc thị trường, bảo đảm an toàn, lành mạnh và ổn định của hệ thống; tăng cường tính minh bạch, cạnh tranh, phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển mới. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật về xử lý nợ xấu, chấm dứt tình trạng sở hữu chéo; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ số trong lĩnh vực ngân hàng và phát triển những sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại. Tăng cường năng lực tài chính, quản trị và chất lượng tín dụng của các tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả, ổn định và bền vững.

d) Cơ cấu lại đơn vị sự nghiệp công lập

Hoàn thiện chính sách, chế độ về đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các quy định pháp luật đáp ứng được yêu cầu thực tiễn hoạt động trong các ngành, lĩnh vực. Chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện thành công ty cổ phần; đẩy mạnh cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tạo điều kiện để phát huy tính chủ động, nâng cao hiệu quả sử dụng nhân lực, tài sản, tài chính của Nhà nước. Thực hiện tính đúng, tính đủ giá dịch vụ công, bảo đảm công khai, minh bạch; tăng cường xã hội hóa, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng trong cung cấp dịch vụ công giữa các đơn vị, tổ chức thuộc

mọi thành phần kinh tế. Thiết lập thị trường một số dịch vụ công có sự quản lý, điều tiết của Nhà nước.

2. Phát triển các loại thị trường, nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực

a) Phát triển thị trường tài chính

Cơ cấu lại và phát triển thị trường chứng khoán; mở rộng năng lực thị trường vốn; nâng cao tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; thúc đẩy phát triển các nhà đầu tư chuyên nghiệp. Phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực quản lý, giám sát rủi ro hệ thống.

Đa dạng các định chế tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ bảo lãnh tín dụng, tổ chức tài chính vi mô, tổ chức tư vấn tài chính, dịch vụ kế toán, kiểm toán, xếp hạng tín nhiệm... Nghiên cứu xây dựng chính sách, pháp luật khuyến khích đầu tư mạo hiểm.

Phát triển toàn diện thị trường bảo hiểm an toàn, bền vững, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu bảo hiểm của các tổ chức, cá nhân, bảo đảm an sinh xã hội; doanh nghiệp bảo hiểm có năng lực tài chính vững mạnh, năng lực quản trị điều hành đạt chuẩn mực quốc tế, có khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế.

b) Phát triển thị trường quyền sử dụng đất

Tập trung sửa đổi hệ thống chính sách, pháp luật về đất đai bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội; hoàn thiện thể chế về các quyền của người sử dụng đất; thực hiện nguyên tắc giá đất thị trường công khai, minh bạch, khuyến khích phát triển dịch vụ định giá đất độc lập; giải quyết căn cơ những bất cập trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tài chính đất đai; thúc đẩy phát triển mạnh thị trường quyền sử dụng đất; khuyến khích và tạo điều kiện tích tụ đất nông nghiệp.

Đẩy nhanh ứng dụng các công nghệ tiên tiến, công nghệ số trong việc thu thập và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu về đất đai, cập nhật và liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia. Tăng cường mở rộng dịch vụ công trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; quản lý chặt chẽ quỹ đất công, quỹ đất phát triển nhà ở xã hội trong các dự án phát triển nhà ở thương mại; đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng tạo

quỹ đất sạch để thu hút đầu tư. Đẩy mạnh điều tra, thống kê, kiểm kê và hạch toán đầy đủ giá trị quyền sử dụng đất, nhất là đối với đất đai là tài sản công, đất do các đơn vị sự nghiệp công lập, nông, lâm trường quản lý.

c) Phát triển thị trường lao động

Hoàn thiện khung pháp luật về phát triển thị trường lao động, nghiên cứu sửa đổi Luật Việc làm phù hợp với các hình thái việc làm mới, quan hệ lao động mới trong kỷ nguyên kỹ thuật số, kinh tế số, kinh tế chia sẻ. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động đồng bộ, liên thông cơ sở dữ liệu. Nâng cao chất lượng dự báo thị trường lao động. Phát triển hệ thống dịch vụ việc làm hiện đại, tạo thuận lợi cho người tìm việc và người tuyển dụng lao động.

Xây dựng và hoàn thiện chiến lược, chương trình, đề án, dự án đổi mới giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp gắn với đẩy mạnh thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm và đổi mới hoạt động của các cơ sở đào tạo, chú trọng gắn kết đào tạo lý thuyết với yêu cầu thực hành, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho từng ngành, lĩnh vực và đào tạo lại cho lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; thúc đẩy nghiên cứu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Đẩy mạnh sự tham gia của khu vực doanh nghiệp vào quá trình đào tạo và đào tạo lại lao động; có chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao làm việc ở Việt Nam.

Hoàn thiện khung pháp luật về an sinh xã hội, từng bước mở rộng vững chắc diện bao phủ bảo hiểm xã hội, hướng tới mục tiêu bảo hiểm xã hội toàn dân. Điều chỉnh chính sách mở rộng đối tượng được vay tín dụng để tham gia học tập nghề nghiệp.

d) Phát triển thị trường khoa học công nghệ

Hoàn thiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích tổ chức, cá nhân, nhất là doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ. Thúc đẩy liên kết và chuyển giao công nghệ giữa các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp; nâng cao năng lực tiếp thu, hấp thụ và làm chủ công nghệ của doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân.

Đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức trung gian môi giới, đánh giá chuyển giao công nghệ, sàn giao dịch công nghệ; nhập khẩu, chuyển giao công nghệ tiên tiến; khuyến khích các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài có cam kết chuyển giao

công nghệ hoặc thành lập các cơ sở nghiên cứu và phát triển ở Việt Nam. Tăng cường hợp tác nghiên cứu chung với các đối tác sở hữu công nghệ nguồn, mở rộng hợp tác khoa học công nghệ tầm quốc gia với các nước tiên tiến.

Hoàn thiện khung pháp luật về khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, hệ thống xác thực và định danh điện tử. Mở rộng và nâng cao hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.

Đổi mới cơ chế, chính sách tài chính gắn với kết quả, chất lượng nghiên cứu khoa học, thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, quỹ khoa học công nghệ gắn với nhu cầu xã hội, chuỗi giá trị của sản phẩm và kết quả đầu ra cuối cùng, khuyến khích thương mại hóa các kết quả nghiên cứu.

3. Phát triển lực lượng doanh nghiệp; thúc đẩy kết nối giữa doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

a) Cơ cấu lại và phát triển doanh nghiệp nhà nước

Tiếp tục sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, tập trung giữ những lĩnh vực then chốt, thiết yếu. Hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với doanh nghiệp nhà nước theo hướng quy định rõ về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, áp dụng các chuẩn mực theo thông lệ quốc tế tốt trong quản trị, áp dụng triệt để nguyên tắc thị trường trong chính sách tiền lương. Xây dựng cơ chế tách bạch nhiệm vụ phát triển kinh tế, nhiệm vụ chính trị và an sinh xã hội của một số doanh nghiệp nhà nước. Tiếp tục hoàn thiện và phát huy hiệu quả mô hình cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách cổ phần hóa theo hướng đa dạng hóa các phương thức thoái vốn theo nguyên tắc thị trường; ban hành cơ chế sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn, bổ sung nguồn lực cho đầu tư phát triển. Hoàn thiện cơ sở pháp lý và xử lý dứt điểm những dự án thua lỗ, kém hiệu quả. Giảm tối đa loại hình doanh nghiệp nhà nước do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, tiếp tục thu hẹp diện doanh nghiệp mà Nhà nước duy trì có cổ phần, vốn góp; giải quyết những tồn tại, vướng mắc, nâng cao hiệu quả trong quản lý, sử dụng đất đai của khối doanh nghiệp nhà nước. Thực thi nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm làm chậm tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước và cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước.

b) Phát triển lực lượng doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân, thúc đẩy chuyển đổi số, liên doanh, liên kết, nâng cao năng lực cạnh tranh

Xây dựng chính sách khuyến khích và hỗ trợ hình thành các chuỗi giá trị, mạng sản xuất; doanh nghiệp của Việt Nam ngày càng có vai trò quan trọng, tham gia vào những khâu, công đoạn có giá trị gia tăng cao. Hỗ trợ để hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân có quy mô lớn, có vai trò dẫn dắt ở một số ngành, lĩnh vực hoặc dẫn đầu trong chuỗi giá trị.

Thực hiện hiệu quả, triển khai đồng bộ Đề án chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số. Thực hiện quyết liệt, hiệu quả cải cách thủ tục hành chính; rà soát, bãi bỏ rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng. Triển khai hiệu quả các biện pháp khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp.

c) Phát huy vai trò của khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) gắn với cơ chế, chính sách khuyến khích chuyển giao công nghệ tiên tiến và quản trị hiện đại, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị với doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân trong nước.

Đổi mới phương thức xúc tiến đầu tư theo hướng hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm vào các đối tác tiềm năng; thu hút nhà đầu tư chiến lược có năng lực kinh nghiệm, tài chính, các tập đoàn xuyên quốc gia có công nghệ cao, công nghệ nguồn, công nghệ xanh thân thiện với môi trường.

d) Đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

Tăng cường liên kết, giải phóng nguồn lực, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; đổi mới tổ chức sản xuất, nghiên cứu áp dụng nhiều mô hình mới, nâng cao hiệu quả hoạt động tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã gắn với phát huy vai trò làm chủ, tăng cường lợi ích của thành viên hợp tác xã. Hoàn thiện cơ chế đại diện sở hữu kinh tế tập thể, hợp tác xã.

4. Phát triển kinh tế đô thị, tăng cường liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn và phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn

a) Khẩn trương ban hành và thực hiện nghiêm quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng quy hoạch

đô thị, phát triển hệ thống đô thị trung tâm phù hợp với chức năng của từng vùng; xây dựng định hướng phát triển các vùng kinh tế trọng điểm; lựa chọn địa phương, đô thị có lợi thế đặc biệt để xây dựng trung tâm kinh tế, tài chính với thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù có tính đột phá, có khả năng cạnh tranh quốc tế cao.

b) Xây dựng, hoàn thiện thể chế liên kết vùng, kiện toàn bộ máy tổ chức điều phối vùng. Hoàn thiện định hướng, cơ chế, chính sách khai thác hiệu quả hợp tác, liên kết vùng, gia tăng lợi ích lan tỏa trong nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và nâng cấp chuỗi giá trị của các ngành có thế mạnh; phát triển mô hình kinh tế xanh, khu kinh tế phù hợp với đặc trưng từng vùng.

c) Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngân sách nhà nước, tổ chức chính quyền địa phương; triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn theo hướng gắn kết chặt chẽ đầu tư giữa trung ương và địa phương, giữa các địa phương để đầu tư các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông nhằm nâng cao năng lực và khả năng kết nối toàn vùng. rà soát, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về kinh tế - xã hội, tài nguyên và môi trường của các vùng, bảo đảm thống nhất với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

d) Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát huy vai trò dẫn dắt đổi mới mô hình tăng trưởng của các vùng kinh tế trọng điểm và đô thị lớn. Quy hoạch và phát triển đô thị gắn với các mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia vào đầu tư, phát triển đô thị và cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị. Quy hoạch và phát triển đô thị cần lấy định hướng phát triển giao thông công cộng, cây xanh làm cơ sở nhằm phát triển một cách hài hòa và cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân. Thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù, xây dựng các mô hình mới để tạo đột phá trong phát triển kinh tế đô thị.

5. Cơ cấu lại các ngành theo hướng hiện đại, phát triển kinh tế xanh, bền vững và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế

a) Cơ cấu lại ngành nông nghiệp

Hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư vào nông

ng nghiệp, nông thôn; đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến phù hợp, hiệu quả, mở rộng sản xuất hàng hóa. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, sạch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa 04 nhà (Nhà nước, nhà nông, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp) để gắn sản xuất với chế biến, phân phối và tiêu thụ. Ưu tiên hình thành và phát triển các doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng công nghệ quản trị tiên tiến, có khả năng tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân ở những vùng sản xuất tập trung.

Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn ngày càng hiện đại; thúc đẩy phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản, công nghệ bảo quản sau thu hoạch, phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistics phục vụ nông nghiệp. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp, nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ; xây dựng thương hiệu một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam trên thị trường quốc tế; phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử trong nông nghiệp.

b) Cơ cấu lại ngành công nghiệp

Tập trung thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong ngành công nghiệp; khai thác triệt để thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để số hóa, công nghệ hóa phương thức sản xuất, kinh doanh nhằm tăng năng suất, chất lượng, sử dụng tài nguyên và năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tiếp tục phát triển một số ngành công nghiệp nền tảng như: công nghiệp năng lượng, cơ khí chế tạo, luyện kim, hóa chất, phân bón, vật liệu mới, công nghiệp dược. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; phát triển nhanh các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao và dịch chuyển lên các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực.

Xây dựng và phát triển các cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên môn hóa; hình thành thí điểm một số cụm liên kết ngành công nghiệp theo lợi thế cạnh tranh, chuyên môn hóa và chuỗi giá trị.

Tiếp tục ban hành chính sách nhằm khai thác có hiệu quả năng lượng tái tạo; hoàn thành và tổ chức thực hiện các quy hoạch năng lượng giảm lượng phát thải khí nhà kính theo các mục tiêu đã cam kết, tận dụng các hỗ trợ quốc tế trong chuyển đổi công nghệ. Thúc đẩy phát triển mạnh các ngành công nghiệp môi trường với công nghệ hiện đại.

c) Cơ cấu lại các ngành dịch vụ

Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số. Phát triển các hệ sinh thái số để làm nền tảng cho phát triển xã hội số, kinh tế số; phát triển thương mại điện tử, khai thác hiệu quả các phương thức thanh toán điện tử và các phương tiện, dịch vụ thanh toán mới. Tập trung cao cho công tác phòng vệ thương mại để bảo vệ sản xuất và lợi ích người tiêu dùng.

Tập trung nguồn lực phát triển một số ngành dịch vụ tiềm năng, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao. Thu hút đầu tư tư nhân vào các ngành dịch vụ mũi nhọn, then chốt. Tập trung hình thành hệ thống các trung tâm logistics mạnh, nhất là trong lĩnh vực hàng không, hàng hải. Khai thác hiệu quả thị trường nội địa; xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các giải pháp công nghệ số truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Nâng cấp hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng bán buôn, phát triển doanh nghiệp phân phối gắn lưu thông với sản xuất.

Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành du lịch, phát triển đa dạng sản phẩm du lịch bảo đảm tính chuyên nghiệp, hiện đại; tập trung giải quyết các điểm nghẽn về kết cấu hạ tầng du lịch. Có chính sách thúc đẩy du lịch gắn với bảo tồn và phát triển bền vững văn hóa truyền thống. Phát triển mạnh dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao trở thành các ngành kinh tế quan trọng. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên sự sáng tạo có kế thừa văn hóa, tinh hoa dân tộc, khoa học công nghệ và bản quyền sở hữu trí tuệ; khai thác tối đa yếu tố kinh tế của các giá trị văn hóa, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các ngành, các khâu sáng tạo, sản xuất, phân phối và tiêu dùng. Hình thành khung pháp luật về phát triển thị trường trao đổi tín chỉ các-bon, sàn giao dịch dựa trên công nghệ chuỗi khối (blockchain) để thúc đẩy phát triển dịch vụ sinh thái và thúc đẩy phục hồi các hệ sinh thái và đa dạng sinh học.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết này, hoàn thành trước tháng 4 năm 2022; báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện Nghị quyết trong Báo cáo về kết quả thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm; báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện Nghị quyết giữa nhiệm kỳ tại kỳ họp cuối năm 2023 và cả nhiệm kỳ tại kỳ họp cuối năm 2025.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Kinh tế, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận giám sát và vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2021.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ